

Bản án số: 04/2023/HS-PT
Ngày: 11- 01- 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Duy

Các Thẩm phán: Ông Phan Minh Dũng

Bà Đỗ Thị Thắm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Hồng Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:**
Bà Võ Thị Lệ Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 194/2022/TLPT-HS ngày 05 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo Sử Thị N do có kháng cáo của bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 205/2022/HS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh B,

- Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: Sử Thị N; sinh năm 1962 tại thành phố Q, tỉnh B; Nơi cư trú: Tổ 48, khu vực 5, phường Q, thành phố QN, tỉnh B; nghề nghiệp: Giáo viên hưu trí; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông: Sử Bê (chết) và bà: Huỳnh Thị M (chết); chồng: Hà Thanh B, sinh năm 1960, có 02 người con, lớn sinh năm 1991 nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1972; nơi ĐKNKTT: Tổ 18, khu phố 4, phường L, thành phố Q, tỉnh B; nơi cư trú: Tổ 48, khu vực 5, phường Q1, thành phố Q, tỉnh B, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ việc cho rằng Sử Thị N đặt đường ống nước thải sinh hoạt chảy ngang qua nhà, gây ảnh hưởng đến sinh hoạt của mình, nên ông Lê Anh Tuấn và bà Nguyễn Thị Thu H cùng trú tại tổ 48, khu phố 5, phường Q1, thành phố Q (đối diện nhà N) nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, kình cãi với N. Vào khoảng 15 giờ 00

phút ngày 30/3/2022, do nghe Nguyễn Thị Thu H chửi Nưng cầm theo 01 cây gỗ qua nhà H và chửi lại. N cầm cây gỗ, H cầm cây chổi xông vào đánh nhau qua lại nhưng không ai bị thương tích gì. Sau đó, N tiếp tục xông đến dùng cây gỗ đến đánh H, H cầm cây phơi đồ trước nhà đưa lên đỡ thì bị vướng cây phơi đồ vào chân làm H ngã nhào tới trước, cây phơi đồ ngã trúng vào ngực của N không gây thương tích gì. Lúc này, N cầm cây gỗ đánh từ trên xuống trúng đầu H 01 cái gây thương tích. H bị thương tích ở đầu chảy máu, N bỏ đi vào nhà. H bị thương tích rách da vùng đỉnh đầu, chiều dài 05cm, nhập viện điều trị thương tích tại Bệnh viện Phong da liễu Trung ương Quy Hòa từ ngày 30/3/2022 đến ngày 07/4/2022 xuất viện và có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Ngày 06/6/2022, Trung tâm pháp y tỉnh B có văn bản số 134/2022/PY-TgT kết luận: Chấn thương rách da đầu, đau đầu nhiều vùng đỉnh chẩm, không tổn thương sọ, nội sọ, không yếu liệt đã điều trị. Hiện vùng đỉnh đầu vết thương để sẹo rõ, kích thước (3x0,5) cm, diện não đồ biến đổi nhẹ.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại đối với bà Nguyễn Thị Thu H là 06%.

Bị hại Nguyễn Thị Thu H yêu cầu Sở Thị N bồi thường số tiền 114.976.208 đồng. Vào ngày 21/10/2022, bị cáo Sở Thị N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự TP. Q 5.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 205/2022/HS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh B đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự; Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584 và Điều 590 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Sở Thị N phạm tội: "Cố ý gây thương tích".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Sở Thị N 12 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Sở Thị N cho UBND phường Q1, TP. Q, tỉnh B giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND phường Q1, TP. Q, tỉnh B nhận được bản án và quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

3. Bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Sở Thị N có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 37.770.000 đồng (Ba mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng). Tạm giữ 5.000.000 đồng do bị cáo N nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Q để đảm bảo cho việc bồi thường (Biên lai thu tiền số 0000708 ngày 21/10/2022).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Ngày 09 tháng 11 năm 2022, bị hại Nguyễn Thị Thu H có đơn kháng cáo đề nghị chuyển hình phạt thành tù giam đối với bị cáo và yêu cầu tăng số tiền bồi thường cho bị hại là 114.976.000 đồng. Tại phiên tòa bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo về phần hình phạt. Thay đổi một phần nội dung kháng cáo về phần bồi thường, đề nghị tăng số tiền bồi thường tổn thất về tinh thần là 20 tháng lương cơ sở, các khoản bồi thường khác thì đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Thu H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định:

Giữa bị cáo Sứ Thị N và bị hại Nguyễn Thị Thu H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn xuất phát trong quá trình sinh hoạt hàng ngày. Vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 30/3/2022, giữa bị cáo và bị hại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn dẫn đến đánh nhau, bị cáo Sứ Thị N đã dùng 01 cây gỗ là hung khí nguy hiểm đánh vào vùng đầu gây thương tích cho bị hại Nguyễn Thị Thu H với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 06% và bị hại làm đơn yêu cầu khởi tố vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Q đã xét xử bị cáo Sứ Thị N về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị hại, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Về kháng cáo đề nghị chuyển hình phạt thành tù giam, xét thấy: Bị cáo N có hành vi dùng cây gỗ gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ thương tật là 06% và bị đưa ra xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự có mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Trước khi gây thương tích cho bị hại, bị cáo chưa phạm tội lần nào, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Sau khi thực hiện hành vi cố ý gây thương tích, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và tự nguyện nộp số tiền 5.000.000 đồng để bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và gia đình có hoàn cảnh khó khăn quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Riêng về tình tiết

giảm nhẹ “Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong công tác” quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự thì theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP quy định “Người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác là người được tặng thưởng huân chương, huy chương, bằng khen, bằng lao động sáng tạo hoặc có sáng chế phát minh có giá trị lớn hoặc nhiều năm được công nhận là chiến sỹ thi đua...”. Trong thời gian công tác bị cáo được Phòng giáo dục & đào tạo và UBND thành phố Q tặng 02 giấy khen và được Bộ giáo dục tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục nên chưa đủ điều kiện được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà được hưởng tình tiết giảm nhẹ là đã có công lao vì sự nghiệp giáo dục quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng. Khi quyết định mức hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện các tình tiết, lỗi của các bên, nhân thân của bị cáo, tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi bị cáo gây ra để xử phạt bị cáo Sở Thị N 12 tháng cải tạo không giam giữ là có căn cứ, phù hợp với các quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại yêu cầu xử phạt tù giam đối với bị cáo.

[3.2] Đối với kháng cáo tăng bồi thường thiệt hại: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho bị hại các khoản: Chi phí điều trị tại các bệnh viện và mua thuốc uống: 6.070.000 đồng; Tiền ăn uống bồi dưỡng: 4.500.000 đồng; Tiền mất thu nhập: 9.000.000 đồng; Tiền công người nuôi: 3.300.000 đồng; Tiền bù đắp tổn thất tinh thần: 14.900.000 đồng (10 tháng lương cơ sở). Tổng cộng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 37.770.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo rút kháng cáo yêu cầu tăng các khoảng tiền chi phí điều trị, mua thuốc uống, tiền ăn uống bồi dưỡng, thu nhập bị mất và tiền công người nuôi. Chỉ kháng cáo yêu cầu tăng tiền bồi thường tổn thất về tinh thần từ 10 tháng lương lên 20 tháng lương cơ sở, thấy rằng: Căn cứ các hoá đơn bị hại cung cấp, mức độ nghiêm trọng của thương tích, lỗi của các bên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường tổn thất về tinh thần cho bị hại 10 tháng lương cơ sở với số tiền 14.900.000 đồng là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị hại không đưa thêm các chứng từ, căn cứ phát sinh thiệt hại mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo tăng bồi thường tổn thất về tinh thần của bị hại. Đối với các khoản tiền bồi thường còn lại, tại phiên tòa phúc thẩm bị hại tự nguyện rút kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[4] Về án phí: Theo quy định tại điểm d khoản Điều 12, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị hại Nguyễn Thị Thu H được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm và không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Căn cứ Điều 584, 585, 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12, điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Thu H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt và phần bồi thường thiệt hại. Sửa bản án sơ thẩm về phần căn cứ áp dụng pháp luật.

1.1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Sử Thị N phạm tội "Cố ý gây thương tích".

1.2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Sử Thị N 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường phường Q, thành phố Q, tỉnh B nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Sử Thị N cho Ủy ban nhân dân UBND phường Q1, TP. Q, tỉnh B giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

2. Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Sử Thị N có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 37.770.000 đồng (Ba mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng). Tạm giữ 5.000.000 đồng do bị cáo N nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q để đảm bảo cho việc bồi thường (Biên lai thu tiền số 0000708 ngày 21/10/2022).

3. Về án phí: Bị hại Nguyễn Thị Thu H được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm và không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án không trả hoặc trả không đầy đủ thì còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

5.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1.TANDTC;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TA, VKS, CQĐT Công an Tp. Quy Nhơn;
- Cơ quan THAHS Công an Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Duy